

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Cytoflavin® dung dịch truyền tĩnh mạch

Rx: Thuốc bán theo đơn!

Tên thuốc: CYTOFLAVIN®

Dạng bào chế:

Thành phần: trong 1 ống chứa:

Các hoạt chất chính:

Succinic acid	1 g
Nicotinamide	100 mg
Inosine	200 mg
Riboflavin sodium phosphate	20 mg

Tá dược:

Meglumin	1,65 g
Natri hydroxid	0,34 g
Nước cất vừa đủ đến	10 ml

Mô tả: Dung dịch trong suốt màu vàng, đựng trong ống 10 ml.

Nhóm dược lý: Thuốc điều chỉnh trao đổi chất

ATC CODE: N07XX

Tính chất dược lý:

Tác dụng dược lý của Cytoflavin dựa trên tác dụng phối hợp của các thành phần thuốc. Cytoflavin kích thích hô hấp tế bào và tạo năng lượng, cải thiện các quá trình sử dụng oxy trong tế bào, khôi phục hoạt tính của men chống oxy hoá. Thuốc thúc đẩy tổng hợp protit nội tế bào, tăng cường sử dụng glucose, acid béo và tái tổng hợp γ -aminobutyric acid (GABA) trong tế bào thần kinh.

Cytoflavin làm tăng bền vững của màng tế bào thần kinh và tế bào đệm thần kinh đối với tác động của thiếu máu não biểu hiện bằng sự giảm nồng độ các protein thần kinh đặc hiệu, đặc trưng cho việc phá hủy các thành phần cấu trúc chính của tế bào thần kinh.

Cytoflavin cải thiện tuần hoàn máu động mạch vành và tuần hoàn máu não, hoạt hoá các quá trình trao đổi chất trong hệ thần kinh trung ương, khôi phục nhận thức, các rối loạn phản xạ, rối loạn cảm giác và các chức năng cảm xúc- trí tuệ của não bộ. Có tác dụng kích thích nhanh trong trường hợp nhận thức bị ức chế sau gây mê.

Khi sử dụng Cytoflavin trong vòng 12 giờ kể từ khi tiến triển đột quỵ có cải thiện rõ rệt quá trình thiếu máu cục bộ và hoại tử trong vùng tổn thương (giảm các ổ tổn thương), khôi phục trạng thái thần kinh và giảm mức độ thương tật về thời kỳ sau này.

Tính chất dược động học:

Khi truyền tĩnh mạch với tốc độ gần 2 ml/phút (tính theo Cytoflavin không pha loãng) Acid succinic và Riboxin thực tế được sử dụng hoàn toàn và vì vậy không xác định được trong huyết tương.

Succinic acid: Nồng độ đỉnh xác định trong phút đầu tiên ngay sau khi tiêm truyền, tiếp theo nồng độ giảm rất nhanh không có sự tích lũy và trở lại mức độ giá trị nền do chuyển hóa thành nước và carbon dioxide.

Inosin: Inosine được chuyển hóa ở gan để tạo thành inosine monophosphat, tiếp theo là quá trình oxy hóa thành acid uric. Bài tiết qua thận với số lượng nhỏ.

Nicotinamid: phân bố nhanh vào các mô, qua hàng rào rau thai và bài tiết vào sữa mẹ. Thuốc được chuyển hoá ở gan thải trừ qua thận. Thời gian bán thải khoảng 1.3 h, thể tích phân bố khoảng 60 lít, hệ số thanh thải toàn phần (clearance total) khoảng 0,6 l/phút.

Riboflavin sodium phosphate: được phân bố không đồng đều. Hầu hết được tìm thấy ở gan và thận. Riboflavin có thời gian bán thải khoảng 2 h, thể tích phân bố cân bằng – khoảng 40 L, hệ số thanh thải khoảng 0,3 l/phút, liên kết Protein – 60 %, Riboflavin qua được hàng rào rau thai, bài tiết vào sữa mẹ và thải trừ qua thận phần lớn bằng các chất không chuyển hoá và một phần là các chất đã chuyển hoá.

Chỉ định:

Cytoflavin® dùng cho người lớn để điều trị:

– Đột quỵ thiếu máu cục bộ giai đoạn cấp.

Liều dùng

Cytoflavin® chỉ dùng để truyền tĩnh mạch nhỏ giọt. Trước khi truyền phải pha loãng trong 100–200 ml dung dịch glucose 5 % hoặc Natri clorid 0,9 %. Dung dịch sau khi pha được truyền tĩnh mạch nhỏ giọt với tốc độ 60–80 giọt/phút.



Bệnh đột quỵ não: Truyền thuốc trong thời gian sớm nhất có thể kể từ khi bắt đầu phát triển bệnh, với liều đơn 10 ml, với khoảng thời gian giữa các lần truyền từ 8–12 giờ sử dụng trong vòng 10 ngày. Trường hợp bệnh nặng có thể tăng liều đơn đến 20 ml, pha loãng vào 400 ml dung dịch Glucose 5 %, truyền 2 lần/ngày

Bệnh mạch máu não và hậu quả của đột quỵ: truyền thuốc với liều đơn 10 ml (1 ống)/lần, pha loãng thuốc với 200 ml dung dịch glucose 5 %, truyền 1 lần/ngày trong vòng 10 ngày

Tác dụng phụ:

Khi truyền nhỏ giọt nhanh có thể xuất hiện các phản ứng không mong muốn mà không cần phải ngưng dùng thuốc: xung huyết da mặt với các mức độ khác nhau, cảm giác nóng, nóng và khô trong miệng, cay họng.

Những phản ứng không mong muốn ít gặp gồm: đau đột xuất và khó chịu trong vùng thượng vị và lồng ngực, khó thở, nôn, đau đầu, chóng mặt, ngạt mũi và có mùi khó chịu trong mũi, da tái nhợt mức độ biểu hiện khác nhau.

Có thể có các phản ứng dị ứng ở dạng ngứa da, đỏ da.

Có thể giảm mức đường trong máu thoáng qua, nước tiểu có màu vàng tươi. Không cần thay thế thuốc.

Thông báo cho bác sỹ những tác dụng phụ gặp phải khi sử dụng thuốc.

Chống chỉ định:

– Mẫn cảm với các thành phần của thuốc.

– Phụ nữ cho con bú, trẻ em.

– Bệnh nhân đang thời kỳ thở nhân tạo, không dùng thuốc khi giảm áp suất oxy trong mạch máu dưới 60 mm Hg.

Thận trọng và cảnh báo

– Cytoflavin có thể chỉ định cho phụ nữ có thai nếu không có tiền sử dị ứng với các thành phần của thuốc.

– Đối với các bệnh nhân đang trong tình trạng nguy kịch, chỉ dùng Cytoflavin sau khi đã ổn định các chỉ số huyết động học trung tâm

– Có thể có tác dụng làm giảm đường huyết vì vậy điều trị dưới sự giám sát chặt chẽ nồng độ glucose trong máu.

– Nước tiểu có thể có màu vàng tươi.

Phụ nữ có thai và cho con bú:

Có thể dùng thuốc cho phụ nữ có thai nếu không có tiền sử dị ứng với các thành phần của thuốc Không dùng cho phụ nữ đang cho con bú.

Tương tác với các thuốc khác, các dạng tương tác khác

Succinic acid, Inosin, Nicotinamid tương thích với các thuốc khác

Riboflavin giảm tác dụng của Doxycillin, Tetracyclin, Oxytetracyclin, Erythromycin và Lincomycin.

Tương kỵ với streptomycin

Chlopromazine, Imipramine, Amitryptiline làm giảm bài tiết của Riboflavin qua nước tiểu

Hooc môn tuyến giáp làm tăng chuyển hóa của Riboflavin

Làm giảm và cảnh báo các tác dụng phụ của Chloramphenicol (rối loạn tạo máu, viêm dây thần kinh thị giác)

Ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Cytoflavin có thể gây ra buồn nôn, chóng mặt, nhức đầu hoặc khó thở, có thể ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc

Bảo quản:

– Bảo quản nơi tránh ánh sáng ở nhiệt độ dưới 30 °C. Không để thuốc ở chỗ sáng!

– Không dùng thuốc quá hạn sử dụng. Không dùng khi thuốc có kết tủa.

Trình bày: Dung dịch chứa trong ống tiêm 10 ml. Hộp chứa 1 vỉ x 5 ống.

Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Số đăng ký: VN-22033-19

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng, nếu cần thông tin hỏi thêm bác sỹ.

Sản xuất bởi:

Scientific Technological Pharmaceutical Firm «POLYSAN» Ltd.

72 Salova Street, Building 2, Saint Petersburg, 192102, Russia

Telephone: +7 (812) 710-8225